

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2025/HS-PT
Ngày: 12/12/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh;
Ông Dương Văn Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2025/TLPT-HS, ngày 27/10/2025, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên.

Bị cáo bị kháng nghị: Lưu Hoàng T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/7/1996 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Tiến S, sinh năm 1977 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1978; có vợ là Nguyễn Phương T1, sinh năm 1998; có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lý Văn H, sinh năm 1986, Địa chỉ: Xóm B, phường Q, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982, Địa chỉ: T, L, Chí L, Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt tại phiên tòa);

3. Anh Đỗ Trung Đ, sinh năm 1998, Địa chỉ: Tổ H phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
4. Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1989, Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
5. Anh Phùng Văn T2, sinh năm 1981, Địa chỉ: Tổ N, phường L, TP S, Thái Nguyên (nay là phường B, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
6. Anh Bùi Xuân T3, sinh năm 1980, Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
7. Anh Trần Đức T4, sinh năm 1982, Địa chỉ: Tổ A, phường G, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;
8. Anh Dương Thế D1, sinh năm 1989, Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
9. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, Địa chỉ: Tổ I, phường T, thành phố T (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
10. Anh Đông Xuân H1, sinh năm 1986, Địa chỉ: Xóm T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
11. Anh Phạm Tuấn N1, sinh năm 1996, Địa chỉ: Tổ B phường G, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;
12. Anh Phạm Nhật M, sinh năm 1997, Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
13. Chị Đinh Thị H2, sinh năm 1989, Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường G, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa;
14. Anh Đỗ Trường G, sinh năm 1997, Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường T, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 23 tháng 01 năm 2025, Công an thành phố T tiến hành kiểm tra tại cơ sở kinh doanh của Lưu Hoàng T tại tổ G, phường T, thành phố T. Quá trình kiểm tra, phát hiện và thu giữ một số giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được xác định trong thời gian từ năm 2023 đến tháng 01/2025, T đã cho nhiều người vay tiền và thu lãi với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Cụ thể như sau:

1. Ngày 20/4/2023, T cho anh Phạm Văn T5 (sinh năm 1991, HKTT: Tổ T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 6.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 15.840.000 đồng cho 660 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.640.000 đồng;

2. Ngày 08/5/2023, T cho anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1982, HKTT: T, Lê L1, C, Hải Dương) vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 19.800.000 đồng cho 330 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.666.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.133.333 đồng;

3. Ngày 07/6/2023, T cho anh Nguyễn Hồng Q1 (sinh năm 1982, HKTT: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 14.250.000 đồng cho 570 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.583.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.666.667 đồng;

4. Ngày 13/8/2023, T cho anh Đỗ Trung Đ (sinh năm 1998, HKTT: Tổ H, phường Q, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.600.000 đồng cho 530 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.472.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.127.778 đồng;

5. Ngày 29/8/2023, T cho anh Đông Xuân H1 (sinh năm 1986, HKTT: Xóm T, phường Đ, thành phố T) vay số tiền 8.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 12.960.000 đồng cho 540 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.560.000 đồng;

6. Ngày 06/9/2023, T cho anh Phạm Tuấn N1 (sinh năm 1996, HKTT: tổ B, phường G, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ, trong thời gian 40 ngày thì anh N1 sẽ trả hết số tiền vay gốc. Với hình thức cho vay này tương đương với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với

mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.000.000 đồng cho 40 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 111.111 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 888.889 đồng;

7. Ngày 29/12/2023, T cho chị Đinh Thị H2 (sinh năm 1989, HKTT: Tô A, phường H, thành phố T) vay số tiền 7.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 146%/năm, gấp 7,3 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 10.920.000 đồng cho 390 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.516.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.403.333 đồng;

8. T cho bà Đông Thị N2 (sinh năm 1974, HKTT: Xóm N, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) vay các mã gồm:

+ Mã 01: Ngày 04/3/2024, T cho bà N2 vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 127,7% /năm, gấp 6,387 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 21.000.000 đồng cho 300 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.333.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 17.666.667 đồng;

+ Mã 02: Ngày 05/3/2024, T cho bà N2 vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 127,7% /năm, gấp 6,387 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.300.000 đồng cho 90 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.300.000 đồng;

+ Mã 03: Ngày 15/7/2024, T cho bà N2 vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 127,7% /năm, gấp 6,387 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 7.350.000 đồng cho 210 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.166.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.183.333 đồng;

+ Mã 04: Ngày 20/01/2025, T cho bà N2 vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 127,7%/năm, gấp 6,387 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.050.000 đồng cho 30 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 166.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 883.333 đồng.

9. Ngày 28/02/2024, T cho ông Trần Văn M1 (sinh năm 1975, HKTT: Tổ F, phường T, thành phố T) vay số tiền 3.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.800.000 đồng cho 270 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 450.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.350.000 đồng;

10. Ngày 09/4/2024, T cho anh Phạm Nhật M (sinh năm 1997, HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 150.000 đồng cho 01 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 27.778 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 122.222 đồng;

11. Ngày 21/5/2024, T cho anh Phùng Văn T2 (sinh năm 1981, HKTT: Tổ N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 6.750.000 đồng cho 270 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng;

12. Ngày 10/7/2024, T cho anh Nguyễn Đình Q (sinh năm 1989, HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 4.500.000 đồng cho 180 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng;

13. Ngày 27/11/2024, T cho anh Bùi Xuân T3 (sinh năm 1980, HKTT: Tổ A, phường T, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.500.000 đồng cho 60 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 166.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.333.333 đồng;

14. Ngày 27/11/2024, T cho anh Nguyễn Ngọc H3 (sinh năm 1988, HKTT: Tổ A, phường T, thành phố T) vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 3.750.000 đồng cho 150 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 416.667 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.333.333 đồng;

15. Ngày 27/11/2024, T cho anh Đỗ Trường G (sinh năm 1997, HKTT: Tổ F, phường T, thành phố T) vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 109,5%/năm, gấp 5,475 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.800.000 đồng cho 60 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng;

16. Ngày 28/11/2024, T cho anh Trần Đức T4 (sinh năm 1982, HKTT: Tổ A, phường G, thành phố T) vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, trong thời gian 40 ngày thì anh T4 sẽ trả hết số tiền vay gốc. Với hình thức cho vay này tương đương với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng cho 40 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 222.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.777.778 đồng;

17. Ngày 07/12/2024, T cho anh Dương Thê D1 (sinh năm 1989, HKTT: Tổ A, phường T, thành phố T) vay số tiền 6.000.000 đồng theo hình thức vay lãi với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 1.800.000 đồng cho 60 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.600.000 đồng;

18. Ngày 18/12/2024, T cho chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1990, HKTT: Tổ I, phường T, thành phố T) vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, trong thời gian 40 ngày thì chị N sẽ trả hết số tiền vay gốc. Với hình thức cho vay này tương đương với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng cho 40 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 222.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.777.778 đồng;

19. Ngày 30/12/2024, T cho anh Lý Văn H (sinh năm 1986, HKTT: Xóm B, xã Q, thành phố T) vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, trong thời gian 40 ngày thì anh H sẽ trả hết số tiền vay gốc. Với hình thức cho vay này tương đương với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng cho 40 ngày vay, trong đó số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 222.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.777.778 đồng;

Như vậy, trong thời gian từ năm 2023 đến ngày 20/01/2025, Lưu Hoàng T đã cho 19 người vay với tổng số tiền cho vay là 190.000.000 đồng với mức lãi suất từ

3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp 5,475 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định. Tiền lãi thu được là 149.120.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu là 22.127.778 đồng, số tiền lãi thu bất chính là 126.992.222 đồng. Về nguồn gốc số tiền cho vay, T khai nhận đó là tiền mà T vay của mẹ đẻ là bà Đỗ Thị B (sinh năm 1978, HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T). Tổng số tiền bà B đã cho T vay là 250.000.000 đồng. Khi vay tiền của bà B, T chỉ nói nhờ bà B vay ngân hàng giúp để T làm ăn, T không cho bà B biết việc sẽ sử dụng số tiền đó để cho vay lãi. Hoạt động cho vay tiền, thu tiền lãi, tiền gốc đều do T thực hiện một mình, không bàn bạc với ai cũng không được ai giúp sức. T không theo dõi hay quản lý trên hệ thống sổ sách, phần mềm. Đối với mỗi người vay tiền của T, T sẽ để riêng vào một bì thư sau đó ghi thông tin lên ngoài bì thư. Hàng ngày, T kiểm tra thông tin trên bì thư mã vay nào đến hạn thanh toán tiền lãi thì T sẽ thông báo cho người vay biết để nộp tiền lãi cho T. **Đối với toàn bộ số tiền lãi thu được T sử dụng để chi tiêu cá nhân, phục vụ sinh hoạt của gia đình và trả lãi khoản vay mà T đã vay bà B.**

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Hoàng T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của các khách hàng vay về số tiền gốc vay, lãi suất, số tiền lãi và cách thức, thời hạn trả gốc và lãi cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ tạm giữ (giấy vay tiền, giấy tờ khách vay để lại). Quá trình điều tra, T đã tự nguyện khắc phục số tiền thu lợi bất chính 50.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 15/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Lưu Hoàng T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự (BLHS). Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo. Tại Bản án sơ thẩm nhận định, đối với số tiền lãi mà bị cáo T thu vượt quá mức quy định của 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 65.968.889 đồng, do những người này không yêu cầu T phải trả lại nên Hội đồng xét xử (HĐXX) không xem xét.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 98/QĐ-VKS, kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm đối với vụ án trên theo hướng căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa Bản án sơ thẩm đối với phần áp dụng biện pháp tư pháp, tuyên trả số tiền lãi thu vượt quá quy định là 65.968.889 đồng cho 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 98/QĐ-VKS, ngày 14/10/2025 và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tội danh là đúng, không oan sai. Bị cáo nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành trong thời hạn và đúng theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ kết luận:

Từ năm 2023 đến ngày 20/01/2025, tại [tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#), [Luu Hoàng T](#) đã cho 19 người gồm: [Phạm Văn T5](#), [Nguyễn Văn D](#), [Nguyễn Hồng Q1](#), [Đỗ Trung Đ](#), [Đông Xuân H1](#), [Phạm Tuấn N1](#), [Đinh Thị H2](#), [Đông Thị N2](#), [Trần Văn M1](#), [Phạm Nhật M](#), [Phùng Văn T2](#), [Nguyễn Đình Q](#), [Bùi Xuân T3](#), [Nguyễn Ngọc H3](#), [Đỗ Trường G](#), [Trần Đức T4](#), [Dương Thế D1](#), [Nguyễn Thị N](#) và [Lý Văn H](#) vay số tiền gốc là 190.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, gấp 5,475 lần đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định. Tiền lãi thu được là 149.120.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu là 22.127.778 đồng, số tiền lãi thu bất chính là 126.992.222 đồng.

Với hành vi trên, bị cáo [Luu Hoàng T](#) bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

Bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo [Luu Hoàng T](#) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội danh. Tuy nhiên, số tiền lãi mà bị cáo [T](#) đã thu vượt quá quy định được xác định là khoản thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Mặc dù có 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) không yêu cầu bị cáo [T](#) trả lại số tiền

lãi thu vượt quy định với tổng số tiền là 65.968.889 đồng, nhưng HĐXX không xem xét đối với số tiền này là không đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS, cụ thể: “*Thu lợi bất chính là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu trái pháp luật khác của người vay...*”; “*Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu, trừ trường hợp người vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp (như đánh bạc, mua bán trái phép chất ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ...) thì khoản tiền thu lợi bất chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước*”.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên không xem xét số tiền lãi mà bị cáo [T](#) thu vượt quá quy định là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của đương sự. Trong vụ án, những người vay không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, do đó cần buộc bị cáo [T](#) phải trả lại số tiền lãi vượt mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa Bản án sơ thẩm để việc áp dụng pháp luật được thực hiện đúng quy định.

[4] Về án phí: Vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên về phần biện pháp tư pháp, cụ thể như sau:

1. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo [Luu Hoàng T](#) phải trả lại số tiền lãi thu vượt mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Người đi vay), cụ thể: Trả anh [Lý Văn H](#) số tiền 1.777.778đ (Một triệu, bảy trăm bảy bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng); trả anh [Nguyễn Văn D](#) số tiền 16.133.333đ (Mười sáu triệu, một trăm ba ba nghìn, ba trăm ba ba đồng); trả anh [Đỗ Trung Đ](#) số tiền 9.127.778đ (Chín triệu, một trăm hai bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng); trả anh [Nguyễn Đình Q](#) số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); trả anh [Phùng Văn T2](#) số

tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); trả anh [Bùi Xuân T3](#) số tiền 1.333.333đ (Một triệu, ba trăm ba ba nghìn, ba trăm ba ba đồng); trả anh [Trần Đức T4](#) số tiền 1.777.778đ (Một triệu, bảy trăm bảy bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng); trả anh [Dương Thế D1](#) số tiền 1.600.000đ (Một triệu, sáu trăm nghìn đồng); trả chị [Nguyễn Thị N](#) số tiền 1.777.778đ (Một triệu, bảy trăm bảy bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng); trả anh [Đông Xuân H1](#) số tiền 10.560.000đ (Mười triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng); trả anh [Phạm Tuấn N1](#) số tiền 888.889đ (Tám trăm tám tám nghìn, tám trăm tám chín đồng); trả anh [Phạm Nhật M](#) số tiền 122.222đ (Một trăm hai hai nghìn, hai trăm hai hai đồng); trả chị [Đinh Thị H2](#) số tiền 9.403.333đ (Chín triệu, bốn trăm linh ba nghìn, ba trăm ba ba đồng); trả anh [Đỗ Trường G](#) số tiền 1.466.667đ (Một triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng).

Ghi nhận bị cáo [Lưu Hoàng T](#) đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho: [Lý Văn H](#) 1.778.000 đồng; [Đỗ Trung Đ](#) 9.128.000 đồng, [Bùi Xuân T3](#) 1.334.000 đồng; [Nguyễn Thị N](#) 1.777.778 đồng; [Đông Xuân H1](#) 10.560.000 đồng; [Phạm Tuấn N1](#) 889.000 đồng; [Đinh Thị H2](#) 9.404.000 đồng; [Đỗ Trường G](#) 1.467.000 đồng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo [Lưu Hoàng T](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương